

CHỮ PHẬT TÂM ÁN ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng, Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô
Thiếu Khanh_ Truyền Giáo Đại Sư PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự tại **Mạn Noa La** (Maṇḍala:Đạo Trường) trong cung điện Chúng Bảo Trang Nghiêm Bồ Tát của cung Trời **Đâu Suất Đà** (Tuṣita). Vô số Bồ Tát có tướng tốt trang nghiêm, là con của Như Lai, biết rõ Chân Tế (bờ mé chân thật) của Pháp đều từ mỗi mỗi cõi Phật đi đến lễ chân của Đức Phật rồi lui ra ngồi ở một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đại Chúng rằng: “Này các Thiện Nam Tử! Có Đà La Ni tên là PHẬT TÂM ÁN mà hằng hà sa đặng Như Lai diễn nói. Nay Ta vì lợi ích cho người ở Trời Đâu Suất khiến cho được tương ứng với điều khoái lạc.

Nếu Thiện Nam Tử thọ trì, đọc tụng, giải nói, lắng nghe Đà La Ni này thì nên biết người ấy sẽ được Túc Mệnh Trí, tiêu trừ nghiệp nặng, hằng thọ khoái lạc, chẳng bị đọa vào nẻo ác, được mọi người yêu thích hộ trì, sung mãn đầy đủ tiền của thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, người và Phi Nhân chẳng dám lấn bức gây hại, trong một ngàn kiếp luân hồi chẳng bị sinh vào Ma Giới, mau chóng chứng được Vô Thượng Bồ Đề”

Thời Đức Thế Tôn liền nói Chú là:

“ Đát nễ dã-tha: Một đệ, một đệ, một đệ ma đế_ Tam mãn đa một đà nỗ nga-dã đế_ Một đà, một đà, một đà, một đà, một đà, một đà, một đà_ A nan đồ một đà vĩ sa dã_ A nan đát-lị ma nĩ xá năng, sa-phộc hạ “

*)TADYATHĀ: BUDDHE BUDDHE BUDDHE-MATI_ SAMANTA BUDDHA ANUGATE_ BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA BUDDHA ANANTA-BUDDHA-VIṢAYA_ ANANTA-DHARMA NIṢANNA_ SVĀHĀ

Đức Phật nói PHẬT TÂM ÁN Đà La Ni này có uy lực rất lớn, lợi ích cho chúng sinh. Nay Ta lại nói NHẤT THIẾT CHỮ PHẬT TÂM ÁN Đà La Ni là :

“Đát nễ dã-tha (1) Hạ la, hạ la (2) Tả la, tả la (3) Tán tả la (4) tán tả la (5) Đa la, đa la (6) Tam đa la (7) tam đa la (8) Tứ ni (9) lị ni (10) sa ma lị ni_ (11) La noa bát đế (12) la noa bát đế (13) Lộ ca đà lị (14) lộ ca đà lị (15) Lộ ca đà lị ni (16) lộ ca đà lị ni (17) Phộc la, phộc la (18) Phổ la, phổ la (19) Phoc la, phộc la (20) Ma hạ vĩ nhạ dã (21) phộc tứ đế (22) Hạ năng, hạ năng (23) Tát-lị phộc một đà (24) tát-lị sử đế (25) Tát-lị phộc bát thể sa na (26) a ba la nhĩ đế (27) bát-la đế bà năng tam bán nễ (28) Tát đát phộc phộc lộ cát đế (29) Tát lị phộc một đà (30) bát la đế mạn ni đế (31) bà nga phộc đế (32) Sa la, sa la (33) Bát-la sa la (34) bát-la sa la (35) Vĩ sa la (36) vĩ sa la_ (37) Tát lị-phộc nỗ sa (38) ba nga đế, (39) sa-phộc hạ (40)”

*) TADYATHĀ: HARA HARA_ CALA CALA_ SAṂCALA SAṂCALA_ TARA TARA_ SAṂTARA SAṂTARA_ HĪNI LINI_ SAMA LINI_ RAṆA PATI, RAṆA PATI_ LOKA-DHARA LOKA-DHARI_ LOKA-DHĀRAṆI LOKA-DHĀRAṆI_ VARA VARA_ BHURA BHURA_ VARA VARA_ MAHĀ-VIJAYA VA ṢITE_ HANA HANA_ SARVA BUDDHA ŚRĪ-ṢITE_ SARVA PATHISANA APARĀJĪTE, PRATBHAṆA SAṂPANNE_ SARVA VALOKITE_ SARVA

BUDDHA PRATIMANḌITE BHAGAVATE SARA SARA PRASARA
PRASARA VĪSARA VĪSARA SARVA ANUSVAGATE SVĀHĀ

Khi Đức Thế Tôn nói Chú này thì cung điện chư Thiên, tất cả đại địa, núi sông, rừng rậm, núi Tu Di... đều chấn động theo sáu cách, biển lớn sôi trào, Ma Vương lo sợ chấp tay quy y: **“Cầu xin chư Phật, tất cả Bồ Tát ba đời. Con vì sợ hãi nên con và quyến thuộc thề hộ Phật Pháp”**

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Pháp ấy xong. Tất cả Bồ Tát và chư Thiên Nhân nghe lời Phật dạy đều tin nhận phụng hành.

CHƯ PHẬT TÂM ÁN ĐÀ LA NI KINH

Hết

29/07/2000